

Số: *1344*/QĐ-UBND

Bỉm Sơn, ngày *19* tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
dự án: Dây chuyên 3 - Nhà máy xi măng Long Sơn
tại phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
Căn cứ Nghị định số: 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập
thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số: 777/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của UBND tỉnh
Thanh Hoá về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án dây chuyên 3 - Nhà máy
xi măng Long Sơn tại phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn;

Trên cơ sở tham gia ý kiến của Sở Xây dựng tại văn bản số: 1850/SXD-
PTĐT ngày 08/4/2019 về việc tham gia ý kiến về nội dung nhiệm vụ lập quy
hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án: Dây chuyên 3 - Nhà máy xi măng Long
Sơn tại phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn;

Xét tờ trình số 1403-1/TTr-LS ngày 14/3/2019 của Công ty TNHH Long Sơn
về việc xin phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án dây
chuyên 3 - Nhà máy xi măng Long Sơn tại phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn;

Theo đề nghị của trưởng phòng Quản lý đô thị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự
án: Dây chuyên 3 - Nhà máy xi măng Long Sơn tại phường Đông Sơn, thị xã
Bỉm Sơn, với những nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu, yêu cầu:

- Làm rõ được các chỉ tiêu để xây dựng Dự án dây chuyên 3 - Nhà máy xi
măng Long Sơn tại phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn theo chủ trương của
UBND tỉnh Thanh Hóa; đảm bảo sự đồng bộ, hoàn thiện, về hạ tầng kỹ thuật kết

nối với hạ tầng bên ngoài dự án, đảm bảo không gian kiến trúc, cảnh quan, phát triển bền vững, không gây ảnh hưởng đến môi trường và dân sinh trong khu vực.

- Xây dựng cơ sở kinh tế quy mô lớn, góp phần phát triển công nghiệp địa phương tỉnh Thanh Hóa, tạo việc làm cho người lao động và đóng góp vào nguồn thu của nhà nước.

- Tạo môi trường làm việc công nghiệp, góp phần làm thay đổi cơ cấu kinh tế của địa phương theo chiều hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ.

- Làm cơ sở pháp lý đầu tư xây dựng, quản lý xây dựng theo quy hoạch và là cơ sở để lập dự án đầu tư xây dựng.

2. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch:

- Khu vực lập dự án thuộc địa giới hành chính phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Ranh giới cụ thể được xác định như sau:

+ Phía Đông: Giáp khu vực trạm đập đá vôi dây chuyền 1,2 và hành lang an toàn mở thuộc Nhà máy xi măng Long Sơn;

+ Phía Tây: Giáp hàng rào Công ty vôi Bỉm Sơn;

+ Phía Nam: Giáp đường bê tông trục chính từ QL1A vào nhà máy xi măng Long Sơn và khu công nghiệp phía đông thị xã Bỉm Sơn (cạnh tuyến băng tải dài vận chuyển đá vôi về mặt bằng dây chuyền 1;2 của nhà máy);

+ Phía Bắc: Giáp mỏ đá vôi và một phần mỏ đá nguyên liệu của Công ty vôi Bỉm Sơn.

- Tổng diện tích lập quy hoạch khoảng: 72,8ha; bao gồm 02 khu đất:

+ Khu đất số 1: Diện tích khoảng 58,0ha bố trí xây dựng các hạng mục dây chuyền sản xuất chính (trong đó đã bao gồm 16,4ha đã được cấp cho Nhà máy xi măng Long Sơn để làm Trạm đập đá vôi, tuyến băng tải vận chuyển đá vôi và bãi tập kết nguyên vật liệu, máy móc)

+ Khu đất số 2: Diện tích khoảng 14,8ha bố trí bãi tập kết nguyên vật liệu, máy móc và hồ chứa nước dự trữ sản xuất.

3. Tính chất, chức năng:

Dây chuyền số 3 và số 4 cho nhà máy sản xuất xi măng Long Sơn có quy mô 6.000 tấn Clinker/ngày, tương đương 2,3 triệu tấn/năm.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

4.1. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu của dây chuyền xác định như sau:

Công suất lò nung	: 6.000 tấn clanhke/ngày
Số ngày làm việc	: 310 ngày/năm
Sản lượng clanhke	: 1,86 triệu tấn/ năm
Sản lượng xi măng	: 2,3 triệu tấn/ năm

a/ Các chỉ tiêu về dây chuyền sản xuất

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	trị số	Ghi chú
	Công suất dây chuyền - Sản lượng tính theo clinker - Sản lượng tính theo xi măng PCB40	1.000 T/năm	1. 900 2. 300	Theo Cpc50 Theo PCB40
	Tiêu hao nhiệt riêng cho nung clinker	kCal/ kg CLK	≤ 730	
	Nhiên liệu sử dụng 100% than cám Hòa Lai với nhiệt trị:	Kcal/kg	6. 500	Loại 4a HG
	Tiêu hao điện năng - Cho sản xuất xi măng	kWh/T XM	≤ 95	
	Bảo vệ môi trường - Nồng độ bụi của khí thải ra môi trường	mg / Nm ³	≤ 30	

b/ Dự kiến diện tích đất xây dựng

STT	Tổng diện tích quy hoạch	728.000	m ²
1	Diện tích xây dựng các công trình có mái che	270.750	m ²
2	Diện tích xây dựng đường, bãi, sân	192.600	m ²
3	Diện tích hồ dự trữ nước sản xuất	64.000	m ²
4	Diện tích bãi tập kết vật liệu và xe máy móc	90.000	m ²
5	Diện tích cây xanh	110.650	m ²

c/ Dự kiến các hạng mục đầu tư: Theo quy mô được UBND tỉnh đồng ý chủ trương tại Quyết định số: 777/QĐ-UBND ngày 05/3/2019;

4.2. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

* Chỉ tiêu, yêu cầu san nền kỹ thuật:

Không ngập lụt, khối lượng thi công ít nhất

An toàn sử dụng

Thoát nước thuận lợi

* Chỉ tiêu kỹ thuật giao thông:

Quy mô mặt cắt, kết cấu mặt đường theo các tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế, đảm bảo lưu thông an toàn, thuận lợi cho các phương tiện giao thông tải trọng lớn khi nhập nguyên liệu và xuất hàng.

- Độ dốc dọc tối đa của đường $i_{max} = 4\%$

- Độ dốc ngang mặt đường in = 2%

- Bán kính cong bó vỉa tại các ngã 3,4: $R = 12 - 25m$

* Chỉ tiêu kỹ thuật cấp điện:

- Tiêu chuẩn áp dụng tính công suất phụ tải: theo công suất của nhà máy, chi tiết cụ thể theo dự án. Nguồn điện cấp cho khu quy hoạch dự kiến lấy từ trạm 220KV Bim Sơn.

* Chỉ tiêu kỹ thuật cấp nước: (áp dụng TCVN 2622 – 1995)

- Tách riêng mạng thoát nước mưa và thoát nước thải; Hệ thống thoát nước bố trí trên các tuyến chính, đường dạo và sân bãi; các tuyến chính sử dụng cống tròn BTCT dẫn theo hướng thoát chính ra sông Tam Điệp.

* Hệ thống thông tin liên lạc:

- Toàn bộ khu quy hoạch đều nằm trong vùng phủ sóng của các mạng viễn thông khu vực. Trong quá trình thiết kế, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin liên lạc vô tuyến và hữu tuyến sẽ được chú ý đặc biệt đảm bảo cung cấp đầy đủ, tiện lợi cho các nhà đầu tư thứ cấp hoạt động kinh doanh có hiệu quả

- Các chỉ tiêu khác về môi trường như tiếng ồn, khí thải, rác thải, nước thải, phòng chống cháy nổ, vệ sinh công nghiệp, khoảng cách ly phải tuân thủ theo quy chuẩn và các quy định của Nhà nước.

5. Các yêu cầu về nội dung đồ án quy hoạch:

a) Nội dung nghiên cứu thực hiện theo quy định tại Luật quy hoạch đô thị, Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

b) Yêu cầu nghiên cứu:

- Các yêu cầu về tổ chức không gian quy hoạch, kiến trúc, cảnh quan khu vực nghiên cứu. Khung không gian khu vực nghiên cứu được xác lập bởi trục giao thông đối ngoại và trục giao thông trong nhà máy tránh xung đột giao thông luồng hàng luồng người trong nhà máy và ngoài đô thị.

- Nghiên cứu quy hoạch tổ chức không gian, xác định vị trí, tính chất các công trình, xác định các chỉ tiêu cho từng công trình về diện tích, tầng cao, phong cách kiến trúc.

- Đề xuất hình thức kiến trúc của các công trình xây dựng, quy mô xây dựng, vật liệu hoàn thiện phù hợp với đặc điểm khí hậu, vị trí địa lý và tính chất khu vực khai thác.

- Lựa chọn và đề xuất các định hướng kiến trúc cảnh quan cho khu vực nghiên cứu và bảo vệ môi trường tự nhiên, các loại cây xanh phù hợp để tạo cảnh quan đồng thời thích nghi với đặc điểm khí hậu.

- Xác định kích thước mặt cắt các tuyến đường giao thông đến từng khu chức năng thuận tiện cho việc đi lại và phù hợp với giao thông đối ngoại đồng thời đảm bảo điều kiện phòng cháy chữa cháy.

- Xác định nhu cầu và nguồn cấp nước, mạng lưới đường ống và thông số kỹ thuật.

- Xác định nhu cầu và nguồn cấp điện, điện chiếu sáng và thông số kỹ thuật chi tiết.

- Xác định mạng lưới thoát nước mưa, nước thải, vị trí quy mô khu xử lý nước thải, mạng lưới đường ống và thông số kỹ thuật chi tiết.

- Đề xuất cốt san nền không chế, xác định độ dốc san nền, khối lượng đất đào đắp.

- Nghiên cứu và đề xuất hình thức tổ chức thực hiện, tính toán hiệu quả đầu tư.

- Đánh giá tác động môi trường, đề xuất biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng xấu đến môi trường.

6. Danh mục hồ sơ đồ án:

Thành phần hồ sơ, khối lượng hồ sơ xét duyệt thực hiện theo Nghị định 37/2010/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

8. Dự toán kinh phí thực hiện:

Căn cứ nội dung nhiệm vụ được phê duyệt, Công ty TNHH Long Sơn chịu trách nhiệm phê duyệt dự toán và bỏ chi phí để thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

9. Dự kiến tiến độ thực hiện:

- Lập nhiệm vụ và phê duyệt nhiệm vụ không quá: 30 ngày.

- Khảo sát bản đồ địa hình không quá: 10 ngày.

- Nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết không quá: 60 ngày.

- Báo cáo, thẩm định, phê duyệt: 30 ngày.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND Thị xã; Trưởng các phòng: Quản lý đô thị; Tài Chính -- Kế hoạch, Tài nguyên Môi trường, UBND phường Đông Sơn, Giám đốc Công ty TNHH Long Sơn, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3/QĐ (để thực hiện);
- Lưu: VT, QLĐT.



Bùi Huy Hùng